

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34 /2023/HSST

Ngày 13 - 7 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Khương Đăng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà

Ông Vũ Mạnh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Thanh Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2023/HSST ngày 03/7/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HS ngày 03/7/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Quý A, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1987 (tên gọi khác: Không); nơi cư trú: tổ dân phố Th, thị trấn T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và con bà Trần Thị M, sinh năm 1965; vợ: Hà Thị T, sinh năm 1992; con: có 04 con, lớn nhất sinh năm 2009 và nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án: 01. Tại Bản án số 85/2020/HSST ngày 18/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/11/2021, chấp hành xong các quyết định khác của bản án ngày 21/3/2021; Tiền sự: Không; Về nhân thân: Tại bản án số: 71/2015/HSST ngày 26/5/2015, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/10/2017, chấp hành xong các quyết định khác của bản án ngày 23/12/2015.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/3/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

Người bị hại: Chị Lê Thị M, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn D xã Ph, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị M, sinh năm 1965; Địa chỉ: tổ dân phố Th, thị trấn T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh phúc (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09 giờ ngày 10/03/2023, bà Trần Thị M một mình đi xe máy đến quán tạp hóa của gia đình ông Trương Sỹ Qu ở cùng tổ dân phố với bà M để mua bánh kẹo đi chùa. Sau khi mua hàng xong, bà M quay ra cửa quán thì nhặt được 01 chiếc ví giả da màu đen, hình chữ nhật. Do chưa xác định được chủ sở hữu nên bà M mang chiếc ví về nhà. Về nhà, bà M mở ví ra thì thấy bên trong có số tiền mặt khoảng 300.000đ. Do đang cần tiền lẻ đi chùa nên bà M đã lấy số tiền bên trong ví. Lúc này, tại gia đình bà M có Nguyễn Quý A (con trai bà M) đang ở nhà bà M (tuy A đã có nhà riêng ở gần nhà bà M nhưng A thường xuyên ăn, ngủ tại nhà bà M). Thấy A bà M nói “*Mẹ vừa nhặt được chiếc ví, bên trong có ít giấy tờ và hơn 300.000đ tiền mặt, mày xem của ai để người ta đến chuộc*”. Sau đó, bà M đi lễ chùa tại chùa Vĩnh Khánh. Sau khi nhận lại chiếc ví, Quý A mở ví ra kiểm tra thì thấy bên trong ví có 01 thẻ Căn cước công dân, 01 thẻ ATM của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam mang tên Lê Thị M và một số giấy tờ khác, bên trong các ngăn kéo khóa của ví A tìm thấy số tiền khoảng hơn 300.000đ. A cầm toàn bộ số tiền để vào ví của mình và đút vào túi quần bên trái của mình đang mặc.

Khoảng 10 giờ 20 phút cùng ngày, A nảy sinh ý định đến cây ATM kiểm tra xem có thể rút được tiền bên trong thẻ của chị M hay không. A một mình đi xe máy đến cây ATM ở tổ dân phố Lạc Kiều, thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô, đưa thẻ ATM vào cây rút tiền rồi dò mật khẩu thẻ theo ngày tháng năm sinh của chị Mai. A dò vài lần thì nhập đúng mật khẩu của thẻ. Lúc này, anh nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trong thẻ. Lần đầu, A nhập số tiền 1.000.000đ và thực hiện lệnh rút tiền và yêu cầu lấy biên lai giao dịch tự động. Sau khi rút được số tiền 1.000.000đ và xác định bên trong thẻ còn tiền, A tiếp tục thực hiện các thao tác như đưa thẻ ATM vào cây ATM, nhập mật khẩu và rút tiếp 04 lần nữa. Sau 05 lần rút tiền, A rút được tổng số tiền là 19.100.000đ. Sau khi rút được số tiền trên, A cất thẻ và tiền tại túi quần bên trái đang mặc và đi ăn giỗ. Khoảng 12 giờ cùng ngày, sau khi ăn giỗ về nhà, A nghĩ và kiểm tra lại hóa đơn rút tiền, thấy trong thẻ ATM còn khoảng số tiền hơn 100.000đ nên A tiếp tục một mình đi đến cây ATM ở tổ dân phố Th, thị trấn T, huyện Sông Lô tiếp tục thực hiện thao tác như 05 lần rút tiền trên và rút được số tiền 50.000đ. Sau khi rút được tổng số tiền 19.150.000đ, A lấy khoảng 1.000.000đ cất vào ví của A để túi quần bên trái

đang mặc, số tiền còn lại A cất giấu trong túi áo khoác để trên giường ngủ tại nhà bà M, chiếc ví và giấy tờ cá nhân, A để trên kệ ti vi của gia đình bà M, thẻ ATM A đã làm rơi nhưng không biết rơi ở đâu.

Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, chị M truy cập vào phần mềm ứng dụng Emobile-Banhhking của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, phát hiện số tiền trong tài khoản của mình bị rút. Lúc này, chị M phát hiện bị mất ví tiền (bên trong ví có khoảng 1.000.000đ tiền mặt và thẻ ATM và một số giấy tờ khác) và nghi ngờ có người nhặt được đã rút tiền của mình. Chị đến Công an thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô trình báo sự việc.

Sau khi tiếp nhận thông tin từ Công an thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Sông Lô đã xác minh ban đầu, đồng thời mời Nguyễn Quý A đến làm việc. Sau khi khai nhận hành vi, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Sông Lô đã yêu cầu bà Trần Thị M hợp tác làm việc, tìm kiếm các tài sản, đồ vật có liên quan đến vụ án. Từ ngày 11/03/2023 đến ngày 21/4/2023, bà M đã tìm kiếm tại gia đình và giao nộp tổng số tiền 19.573.000đ tại các vị trí: túi áo khoác, ví tiền, túi quần của A và chiếc ví cùng một số giấy tờ cá nhân của chị M.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị M yêu cầu người thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền trong ví, trong thẻ của chị M phải hoàn trả số tiền 1.000.000đ tiền mặt trong ví, 19.150.000đ số tiền trong tài khoản. Ngày 31/5/2023, bà Trần Thị M đã tự nguyện bồi thường số tiền 1.000.000đ cho chị M (bao gồm số tiền mặt bà M và A đã lấy trong ví). Chị M đã nhận đủ số tiền 1.000.000đ và có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Quý A.

Đối với chiếc thẻ ATM của chị M, sau khi thực hiện hành vi, A làm rơi chiếc thẻ nhưng không xác định được rơi ở vị trí nào. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Sông Lô đã tổ chức truy tìm nhưng không thấy. Chị M cũng không yêu cầu gì.

Về vật chứng và tài sản thu giữ: 01 chiếc ví giả da màu đen, KT 20x40cm, có dòng chữ DAVICI, 01 thẻ danh thiếp của ngân hàng Liên Việt Postbank; 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên chị Lê Thị M, 02 thẻ khách hàng của công ty điện lực mang tên Tạ Ngọc Hùng (là chồng của chị Mai). 01 ví giả da màu đen, 01 áo khoác gió của Nguyễn Quý h. Số tiền 19.573.000đ của Nguyễn Quý A do bà M giao nộp.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Quý A đã thành khẩn khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 41/CT - VKSSL ngày 30/6/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đã truy tố Nguyễn Quý A về tội “Sử dụng phương tiện điện

tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 290 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô luận tội đối với bị cáo A giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo A. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 290; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Quý A từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 10/3/2023). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Xác nhận bà M đã bồi thường đủ số tiền 1.000.000đ cho chị Lê Thị M. Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, ăn năn hối hận. Bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng bị cáo nhận thức được sai phạm về hành vi đã thực hiện và xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Sông Lô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, vật chứng thu giữ được cùng với các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung cáo trạng đã được đại diện Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 10 giờ 20 phút đến 12 giờ 08 phút ngày 10/03/2023, sau khi có được thẻ ATM của chị Lê Thị M, Nguyễn Quý A đã thực hiện các thao tác đưa thẻ ATM vào các cây ATM ở tổ dân phố Lạc Kiều và tổ dân phố Then, thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô, dò và

nhập mật khẩu để thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền trong tài khoản ngân hàng của chị Lê Thị M. Sau 06 lần thực hiện các thao tác rút tiền, A đã chiếm đoạt tổng số tiền 19.150.000đ (*mười chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Hành vi nêu trên của bị cáo A đã phạm vào tội “*Sử dụng phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 290 Bộ luật hình sự.

Điểm b khoản 2 điều 290 Bộ luật hình sự quy định:

“2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

...b) *Phạm tội 02 lần trở lên;*

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến an toàn công cộng trong lĩnh vực công nghệ thông tin điện tử, an ninh an toàn trong hệ thống giao dịch tài chính, ngân hàng và quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của chị M, sau đó thực hiện hành vi rút tiền trực tiếp tại cây ATM để chiếm đoạt tài sản là số tiền 19.150.000 đồng trong tài khoản của chị M. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là tái phạm .

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; tại phiên tòa bị hại tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có ông nội bị cáo là người có công với cách mạng nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo là người có nhân thân xấu nhưng khi xem xét đến hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay các con còn nhỏ, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên khi quyết định áp dụng hình phạt hội đồng xét xử xem xét cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ý thức chấp hành pháp luật và cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 290 Bộ luật hình sự.

[7] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đối với 01 chiếc ví giả da màu đen, KT 20x40cm, có dòng chữ DAVICI, 01 thẻ danh thiếp của ngân hàng Liên Việt Postbank là tài sản hợp pháp của chị Lê Thị M nên cần xem xét trả lại cho chị M.

Đối với 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên chị Lê Thị M, 02 thẻ khách hàng của công ty điện lực mang tên Tạ Ngọc Hùng (là chồng của chị Mai). Ngày 21/5/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Sông Lô đã trả lại cho chị M là đúng chủ sở hữu.

Đối với 01 ví giả da màu đen, 01 áo khoác gió là tài sản hợp pháp của Nguyễn Quý A nên cần xem xét trả lại cho Nguyễn Quý A.

Đối với số tiền 19.573.000đ của Nguyễn Quý A do bà M giao nộp, trong đó có số tiền 19.150.000đ là tiền A đã chiếm đoạt của chị M cần xem xét trả lại cho chị M, còn số tiền 423.000đ là tài sản hợp pháp của A nên xem xét trả lại cho A nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Đối với hành vi của bà Trần Thị M và Nguyễn Quý A lấy số tiền mặt bên trong ví sau khi nhặt được ví. Tại thời điểm này, chưa xác định được chủ sở hữu, chủ tài sản chưa phát hiện bị mất tiền, chưa đến đòi lại tài sản. Ngay sau khi biết chị M là người mất ví tiền, bà M và Quý A đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra, giao nộp lại số tiền. Vì vậy, hành vi của bà Mươi, Quý A không cấu thành tội phạm, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Sông Lô đã tuyên truyền, giáo dục, nhắc nhở là có căn cứ.

Về hành vi bà M đưa chiếc ví đã nhặt được cho Nguyễn Quý A, bà yêu cầu A kiểm tra và tìm chủ chiếc ví. Nhưng A đã tự ý chiếm đoạt số tiền trong ví, trong thẻ ATM. Bà M hoàn toàn không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Sông Lô không có căn cứ xử lý bà M

Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bà M đã bồi thường đủ số tiền 1.000.000đ cho chị Lê Thị M. Chị M đã nhận đủ số tiền trên, không đề nghị gì khác nên không xem xét giải quyết. Bà M không yêu cầu A phải hoàn trả một phần số tiền đã bồi thường cho chị Mai nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Quý A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 290; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quý A phạm tội “Sử dụng phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quý A 02 (hai) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 10/3/2023).

3. Về vật chứng: Trả lại cho chị M số tiền 19.150.000đ (*mười chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*); 01 chiếc ví giả da màu đen, KT 20x40cm, có dòng chữ DAVICI, 01 thẻ danh thiếp của ngân hàng Liên Việt Postbank.

Trả lại cho Nguyễn Quý A 01 ví giả da màu đen và 01 áo khoác gió. Trả lại cho A số tiền 423.000đ (*bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng*) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Sông Lô và Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Quý A phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô;
- Công an huyện Sông Lô;
- Ủy ban nhân dân TTTT;
- Bị cáo; Người TGT;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Khương Đặng Khánh Hằng

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khương Đặng Khánh Hằng

